

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2689/QĐ-ĐHNH, ngày 05 tháng 12 năm 2019

của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh)

1. Thông tin chung:

- Ngành đào tạo : **KẾ TOÁN**
- Chuyên ngành : **KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Hình thức đào tạo : **CHÍNH QUY TẬP TRUNG**
- Đơn vị cấp bằng : Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
- Tổng số lượng tín chỉ: 130

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Kế toán có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực thực hành nghề nghiệp cao đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực kế toán – kiểm toán trong nước và quốc tế:

- Có hiểu biết bao quát kiến thức về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán; thực hiện tốt các hoạt động nghiệp vụ kế toán - kiểm toán trong các doanh nghiệp và các tổ chức;
- Có khả năng thích nghi cao, tư duy độc lập và năng lực tự học nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và mục tiêu phát triển của cá nhân.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: Kiến thức, kỹ năng, thái độ - phẩm chất)

1.	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	Trình độ năng lực
1.1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	
1.1.1	Hiểu biết các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh	2

1.1.2	Hiểu biết các kiến thức toán học và khoa học tự nhiên	2
1.1.3	Hiểu biết các kiến thức khoa học xã hội cơ bản	2
1.2	KIẾN THỨC CƠ SỞ KHÓI NGÀNH	
1.2.1	Hiểu biết và giải thích được các kiến thức nền tảng về kinh tế học	2
1.2.2	Hiểu và giải thích được các nguyên lý cơ bản của kế toán, thống kê	2
1.2.3	Hiểu và vận dụng các văn bản pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh	2
1.2.4	Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh	2
1.2.5	Áp dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội để nghiên cứu vấn đề kinh tế	3
1.3	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	
1.3.1	Hiểu biết và áp dụng các kiến thức về kinh tế tài chính trong nền kinh tế	3
1.3.2	Hiểu biết và áp dụng kiến thức về kế toán trong hoạt động kinh tế	3
1.4	KIẾN THỨC NGÀNH	
1.4.1	Ứng dụng kiến thức để phân tích các chính sách, thể chế, hoạt động trong lĩnh vực kinh tế	4
1.4.2	Phân tích và xây dựng kế hoạch, dự án, chương trình kế toán của các chủ thể trong nền kinh tế	4
1.5	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN	
1.5.1	Hiểu biết và ứng dụng kiến thức vào các hoạt động kế toán công ty	4
1.5.2	Hiểu biết và ứng dụng kiến thức vào các hoạt động kế toán, kiểm toán ngân hàng	4
1.5.3	Hiểu biết và ứng dụng kiến thức vào các hoạt động kế toán công	4
1.6	KIẾN THỨC THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP	
1.6.1	Phân tích, báo cáo và thẩm định tình huống về hoạt động kế toán cụ thể trong môi trường thực tiễn	4
1.6.2	Ứng dụng kiến thức để phân tích, nghiên cứu các tình huống cụ thể trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán	4
2.	KỸ NĂNG VÀ PHẨM CHẤT CỦA CÁ NHÂN & TRONG NGHỀ NGHIỆP	
2.1	KHẢ NĂNG PHÂN TÍCH, LẬP LUẬN TƯ DUY VÀ GIẢI	

	QUYẾT VẤN ĐỀ	
2.1.1	Nhận dạng và xác định một vấn đề trong lĩnh vực kinh tế, kế toán (<i>dựa vào số liệu, thông tin, hiện tượng để định hướng phương pháp giải quyết vấn đề</i>)	4
2.1.2	Mô hình hóa vấn đề trong lĩnh vực kinh tế: <i>xác định các giả thiết và các yếu tố ảnh hưởng đến mô hình cũng như kết quả</i>	4
2.1.3	Kỹ năng đánh giá và phân tích định tính vấn đề	4
2.1.4	Kỹ năng phân tích vấn đề khi thiếu thông tin	3
2.1.5	Kỹ năng phân tích định lượng vấn đề	4
2.1.6	Kỹ năng giải quyết vấn đề	4
2.1.7	Đưa ra giải pháp và kiến nghị	4
2.2	NGHIÊN CỨU VÀ KHÁM PHÁ KIẾN THỨC	
2.2.1	Hình thành các giả thuyết	3
2.2.2	Tìm kiếm và tổng hợp tài liệu	4
2.2.3	Nghiên cứu thực nghiệm	4
2.2.4	Kiểm định giả thuyết	3
2.2.5	Khả năng ứng dụng nghiên cứu trong thực tiễn	4
2.2.6	Kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin	4
2.3	TƯ DUY THEO HỆ THỐNG	
2.3.1	Tư duy chỉnh thể/ logic	3
2.3.2	Phát hiện các vấn đề và mối tương quan giữa các vấn đề	3
2.3.3	Xác định vấn đề ưu tiên	3
2.3.4	Phân tích sự lựa chọn giữa các vấn đề và tìm ra cách giải quyết cân bằng	3
2.3.5	Tư duy phân tích đa chiều	3
2.4	CÁC KỸ NĂNG VÀ PHẨM CHẤT CỦA CÁ NHÂN	
2.4.1	Sẵn sàng đi đầu và đương đầu với rủi ro	4
2.4.2	Kiên trì	4
2.4.3	Linh hoạt	4
2.4.4	Tự tin	4
2.4.5	Chăm chỉ	4

2.4.6	Nhiệt tình và say mê công việc	4
2.4.7	Tư duy sáng tạo	3
2.4.8	Tư duy phản biện	4
2.4.9	Hiểu và phân tích được kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và thái độ của một cá nhân khác	4
2.4.10	Khám phá và học hỏi từ cuộc sống	4
2.4.11	Quản lý thời gian và nguồn lực	4
2.4.12	Kỹ năng thích ứng với sự phức tạp của thực tế	4
2.4.13	Sự hiểu biết về các nền văn hóa khác nhau	3
2.4.14	Tinh thần tự tôn (Self-esteem)/ Tự trọng	4
2.4.15	Kỹ năng học và tự học	4
2.4.16	Kỹ năng quản lý bản thân	4
2.4.17	Kỹ năng sử dụng máy tính	4
2.5	CÁC KỸ NĂNG VÀ PHẨM CHẤT TRONG NGHỀ NGHIỆP	
2.5.1	Đạo đức nghề nghiệp (trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy)	4
2.5.2	Hành vi chuyên nghiệp	3
2.5.3	Kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai	4
2.5.4	Kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc	4
2.5.5	Nhận thức và bắt kịp với kinh tế thế giới hiện đại	3
2.5.6	Khả năng làm việc độc lập	4
2.5.7	Tự tin trong môi trường làm việc quốc tế	4
2.5.8	Kỹ năng đặt mục tiêu	4
2.5.9	Kỹ năng tạo động lực làm việc	4
2.5.10	Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp	4
2.5.11	Kỹ năng chăm sóc khách hàng và đối tác	4
3.	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	
3.1	LÀM VIỆC THEO NHÓM	
3.1.1	Hình thành nhóm làm việc hiệu quả	4
3.1.2	Vận hành nhóm	4
3.1.3	Phát triển nhóm	4

3.1.4	Lãnh đạo nhóm	4
3.1.5	Kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau	4
3.2	GIAO TIẾP	
3.2.1	Chiến lược giao tiếp	3
3.2.2	Cấu trúc giao tiếp (cách lập luận, sắp xếp ý tưởng..)	4
3.2.3	Kỹ năng giao tiếp bằng văn bản	4
3.2.4	Kỹ năng giao tiếp qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông	4
3.2.5	Kỹ năng thuyết trình	4
3.2.6	Kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân	4
3.3	GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ	
3.3.1	Tiếng Anh - kỹ năng nghe, nói	4
3.3.2	Tiếng Anh - kỹ năng đọc, viết	4
4.	KỸ NĂNG ÁP DỤNG KIẾN THỨC VÀO THỰC TIỄN	
4.1	BỐI CẢNH XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI	
4.1.1	Vai trò và trách nhiệm của nhà kinh tế đối với xã hội	4
4.1.2	Nhận thức được những lợi ích của việc ứng dụng tri thức kế toán vào thực tiễn xã hội	4
4.1.3	Quy định của xã hội về hoạt động kế toán	4
4.1.4	Kiến thức pháp luật, lịch sử và văn hóa	4
4.1.5	Các vấn đề thời sự	4
4.1.6	Bối cảnh toàn cầu	3
4.2	BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ KINH DOANH	
4.2.1	Sự đa dạng văn hóa doanh nghiệp	3
4.2.2	Chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của doanh nghiệp	4
4.2.3	Mối quan hệ giữa doanh nghiệp & các vấn đề về kế toán	4
4.2.4	Khả năng thích ứng trong các môi trường làm việc khác nhau	4
4.3	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC KẾ TOÁN	
4.3.1	Thiết lập mục tiêu kinh doanh (dựa trên nhu cầu và bối cảnh xã hội)	4
4.3.2	Diễn giải các mục tiêu và yêu cầu đối với hoạt động kế toán	4

4.3.3	Mô hình hóa ý tưởng kinh doanh và đảm bảo các mục tiêu đề ra có thể đạt được	4
4.3.4	Quản trị hoạt động kế toán	4
4.4	XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN/ DỰ ÁN/ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN	
4.4.1	Quá trình thiết kế dự án (các điều kiện thực hiện...)	4
4.4.2	Cách tiếp cận của dự án (phương pháp tiếp cận, các bước...)	4
4.4.3	Sử dụng kiến thức trong thiết kế dự án	4
4.4.4	Thiết kế dự án chuyên ngành (công cụ, phương pháp và quy trình...)	4
4.4.5	Thiết kế dự án đa ngành (mối liên hệ giữa công cụ, phương pháp và quy trình...)	3
4.4.6	Thiết kế dự án đa mục tiêu (thiết kế quá trình thực hiện, thử nghiệm, xác định mức độ rủi ro...)	3
4.5	TRIỂN KHAI PHƯƠNG ÁN/ DỰ ÁN/ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN	
4.5.1	Đào tạo/ tập huấn để thực hiện phương án/ dự án/ chính sách	4
4.5.2	Lựa chọn nguồn lực thực hiện phương án/ dự án/ chính sách	3
4.5.3	Tổ chức thực hiện phương án/ dự án/ chính sách	3
4.6	ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN/ DỰ ÁN/ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN	
4.6.1	Thiết kế các tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện	4
4.6.2	Đánh giá kết quả thực hiện (kinh tế-xã hội-môi trường..)	4
4.6.3	Điều chỉnh/ nâng cấp dự án/ phương án/ chính sách	4
4.6.4	Sáng tạo các dự án/ phương án/ chính sách mới	4

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể khởi nghiệp kinh doanh hoặc làm việc tại các tổ chức kinh tế, chính trị xã hội, cơ quan của chính phủ trong và ngoài nước.

Về vị trí công việc cụ thể, sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại các bộ phận tài chính, kiểm soát nội bộ, kế toán, kiểm toán; chuyên viên kế toán nghiệp vụ và tổng hợp; chuyên viên phân tích đầu tư và quản lý vốn, quản lý rủi ro; kiểm soát viên, kiểm toán viên nội bộ hoặc tại các công ty kiểm toán độc lập; chuyên viên hệ thống thông tin kế toán.

Sinh viên tốt nghiệp cũng có thể trở thành những nghiên cứu viên ở các Trung tâm, Viện nghiên cứu; giảng viên tham gia công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường đại học trong và ngoài nước.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Người học có khả năng tự học tập và rèn luyện suốt đời để hoàn thiện bản thân và đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc.

Người học có thể học bổ sung một số học phần để đủ điều kiện nhận văn bằng cử nhân thứ hai của Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh; sinh viên có thể tham gia các chương trình đào tạo liên thông quốc tế tại một số trường đại học uy tín trên thế giới có liên kết đào tạo với Đại học Ngân hàng TP.HCM. Ngoài ra, sau khi học bổ sung một số môn chuyển đổi, người học có thể học các chương trình cao học về Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Kế toán v.v... tại các trường đại học trong nước và quốc tế.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

Chương trình đào tạo này được xây dựng dựa trên khung chuẩn đầu ra và cách tiếp cận CDIO. Quá trình xây dựng định hướng tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế và trong tương lai gần sẽ được tổ chức Kiểm định chất lượng AUN-QA đánh giá.

Chương trình được kế thừa, phát triển từ chương trình đào tạo cử nhân ngành kế toán – kiểm toán của Đại học Ngân Hàng Tp. Hồ Chí Minh và có sự tham khảo chương trình đào tạo chất lượng cao của một số trường đại học khác trong nước và trên thế giới.

6. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo tối đa là 08 năm, gồm: 04 năm thời gian đào tạo thiết kế - là thời gian đào tạo chuẩn để hoàn thành khoá học, 02 năm thời gian đào tạo kéo dài thêm, và 02 năm thời gian đào tạo kéo dài cuối cùng.

Sinh viên có thể rút ngắn thời gian học tập tối đa 1 năm so với thời gian đào tạo thiết kế.

Khi hết thời gian đào tạo thiết kế mà sinh viên chưa hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định, sinh viên được nộp đơn, đề nghị Phòng Đào tạo cho phép sử dụng 02 năm *thời gian đào tạo kéo dài thêm* để hoàn thành chương trình đào tạo; khi hết *thời gian đào tạo kéo dài thêm* mà sinh viên vẫn chưa hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định, sinh viên được nộp đơn, đề nghị Hiệu trưởng cho phép sử dụng 02 năm *thời gian đào tạo kéo dài cuối cùng* để hoàn thành chương trình đào tạo.

Sau khi hết thời gian đào tạo tối đa (08 năm) sinh viên không hoàn thành CTĐT sẽ được giải quyết theo quy định trong Quy chế đào tạo.

Sinh viên có thể tham gia các chương trình đào tạo liên thông quốc tế của Đại học Ngân hàng Tp. HCM với các trường đại học uy tín trên thế giới. Tùy theo chương trình liên kết, thời gian học tập tại nước ngoài có thể từ 01 đến 04 học kỳ. Hoàn thành chương trình, sinh viên có thể được nhận Bằng tốt nghiệp của trường liên kết và Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp không đáp ứng được các yêu cầu của chương trình hoặc theo nhu cầu cá nhân, sinh viên có thể chuyển sang học hệ đại học chính quy của trường theo quy chế.

7. Khối lượng kiến thức

Không kể các học phần Giáo dục thể chất (5 đvtc) và Giáo dục quốc phòng (8 đvtc) được tổ chức đào tạo theo quy định. Khối lượng kiến thức của Chương trình đào tạo chất lượng cao gồm:

- Khối kiến thức Giáo dục đại cương và chuyên nghiệp: 130 đvtc
- Khối kiến thức tiếng Anh tăng cường: 20 đvtc
- Chương trình huấn luyện kỹ năng mềm: 08 đvtc

8. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo chỉ tiêu tuyển sinh đại học hệ chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

- Sinh viên có nguyện vọng đăng ký theo học chương trình đào tạo chất lượng cao sau khi đã trúng tuyển và làm thủ tục nhập học trong kỳ tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

9.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.

9.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Quy chế đào tạo chính quy chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM.

10. Kết cấu chương trình đào tạo

TT	CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH	Số tín chỉ	Tỷ trọng (%)
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG & CƠ SỞ KHỐI	54	41.5%

	NGÀNH		
1.1	Kiến thức giáo dục đại cương	24	18.5%
1.2	Kiến thức cơ sở khối ngành	27	20.8%
1.3	Kiến thức bổ trợ, tự chọn	3	2.3%
2	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH, NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	64	49.2%
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	23	17.7%
2.2	Kiến thức ngành	18	13.8%
2.3	Kiến thức chuyên ngành	17	13.1%
2.4	Kiến thức bổ trợ, tự chọn	6	4.6%
3	HỌC PHẦN THỰC TẬP CUỐI KHÓA VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	12	9.2%
3.1	Học phần thực tập cuối khóa/ Internship	3	2.3%
3.2	Học phần khóa luận tốt nghiệp/ Research Paper	9	6.9%
	TỔNG CỘNG	130	100.0%

11. Chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG & CƠ SỞ KHỐI NGÀNH	54
1.1	Kiến thức giáo dục đại cương	23
1.1.1	Các môn lý luận chính trị	11
1.1.1.1	Triết học Mác – Lê nin / Marxist – Leninist Phylosophy	3
1.1.1.2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin / Marxist – Leninist Political Economics	2
1.1.1.3	Chủ nghĩa xã hội khoa học / Scientific Socialism	2
1.1.1.4	Lịch sử Đảng cộng Sản Việt Nam/ History of Vietnamese Communist Party	2
1.1.1.5	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	2

1.1.2	Các môn khoa học cơ bản	13
1.1.2.1	Toán cao cấp 1/ <i>Advanced Mathematic 1 (Đại số tuyến tính/ Linear Algebra)</i>	2
1.1.2.2	Toán cao cấp 2/ <i>Advanced Mathematic 2 (Giải tích/ Analysis)</i>	2
1.1.2.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability and Statistics</i>	3
1.1.2.4	Mô hình toán kinh tế/ <i>Mathematical models in economics</i>	2
1.1.2.5	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ <i>Arguments for State and Law</i>	2
1.1.2.6	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	2
1.1.3	Giáo dục thể chất - quốc phòng (không tính số tín chỉ vào chương trình đào tạo)	13
1.1.3.1	Giáo dục thể chất/ <i>Physical Education</i>	5
1.1.3.2	Giáo dục quốc phòng – an ninh/ <i>Defense - Security Education</i>	8
1.2	Kiến thức cơ sở khối ngành	30
	Học phần bắt buộc	
1.2.1	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3
1.2.2	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3
1.2.3	Luật kinh doanh/ <i>Business Law</i>	3
1.2.4	Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>	3
1.2.5	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	3
1.2.6	Quản trị học/ <i>Fundamental of Management</i>	2
1.2.7	Nguyên lý Marketing/ <i>Principles of Marketing</i>	2
1.2.8	Tin học ứng dụng/ <i>Applied Informatics</i>	3
1.2.9	Kinh tế lượng/ <i>Econometrics</i>	3
1.2.10	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Research Method</i>	2
	Học phần tự chọn (3 tín chỉ): chọn 01 trong 03 học phần	
1.2.11	Lịch sử các học thuyết kinh tế/ <i>History of Economic Theories</i>	3
1.2.12	Kinh tế phát triển / <i>Economics of Development</i>	3

1.2.13	Kinh tế công cộng/ Public Economics	3
2	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH, NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	64
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	23
2.1.1	Nhập môn ngành (Introduction to Accounting and Auditing)	2
2.1.2	Lý thuyết tài chính – tiền tệ/ <i>Financial and Monetary Theory</i>	3
2.1.3	Thị trường tài chính và các định chế tài chính/ <i>Financial Markets and Institutions</i>	3
2.1.4	Kiểm toán căn bản/ <i>Principles of Auditing</i>	3
2.1.5	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3
2.1.6	Kế toán tài chính 1/ <i>Financial Accounting 1</i>	3
2.1.7	Anh văn chuyên ngành 1/ <i>English for Specific Purposes 1</i>	3
2.1.8	Anh văn chuyên ngành 2/ <i>English for Specific Purposes 2</i>	3
2.2	Kiến thức ngành	18
2.2.1	Hoạt động kinh doanh ngân hàng/ <i>Banking Operations</i>	3
2.2.2	Kế toán tài chính 2/ <i>Financial Accounting</i>	3
2.2.3	Kế toán quản trị/ <i>Management Accounting</i>	3
2.2.4	Thẩm định giá tài sản/ <i>Evaluation of Property</i>	3
2.2.5	Phân tích tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance Analysis</i>	3
2.2.6	Thuế/ <i>Taxation</i>	3
2.3	Kiến thức chuyên ngành	17
2.3.1	Kế toán tài chính 3/ <i>Financial Accounting 3</i>	2
2.3.2	Kiểm toán doanh nghiệp/ <i>Financial Auditing</i>	3
2.3.3	Kế toán ngân hàng/ <i>Bank Accounting</i>	3
2.3.4	Kiểm toán ngân hàng/ <i>Bank Auditing</i>	3
2.3.5	Kế toán quốc tế/ <i>International Accounting</i>	3
2.3.6	Kế toán công/ <i>Administrative Accounting</i>	3

2.4	Các môn bổ trợ, tự chọn thuộc kiến thức ngành, chuyên ngành: <i>chọn 02 học phần trong 04 học phần sau đây để tích lũy</i>	6
2.4.1	Thanh toán quốc tế/ <i>International Payment</i>	3
2.4.2	Đầu tư tài chính/ <i>Finance Investment</i>	3
2.4.3	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp/ <i>Business Ethics and Organizational Culture</i>	3
2.4.4	Khởi nghiệp kinh doanh/ <i>Entrepreneurship</i>	3
3	HỌC PHẦN THỰC TẬP CUỐI KHÓA VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	12
3.1	Học phần thực tập cuối khóa/ <i>Internship</i>	3
3.2	Học phần khóa luận tốt nghiệp/ <i>Research Paper</i>	9

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

1. Các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và chuyên nghiệp được tổ chức giảng dạy trên cơ sở nâng cao, mở rộng so với Chương trình đào tạo hệ đại học chính quy và được giảng viên thể hiện cụ thể trong đề cương và kế hoạch thực hiện môn học.

2. Các môn học có yêu cầu thực hành, thực tập, nghiên cứu thực tế được tổ chức lồng ghép trong quá trình tổ chức giảng dạy môn học hoặc sau khi kết thúc môn học.

3. Ít nhất 20% khối lượng kiến thức ngành và chuyên ngành (tương đương 3 – 4 môn học) được tổ chức giảng dạy trực tiếp bằng tiếng Anh. Sinh viên được yêu cầu viết khóa luận tốt nghiệp, trong đó tối thiểu phần tóm tắt khóa luận (tối thiểu 28 dòng trên 4 trang giấy khổ A4) được thể hiện bằng tiếng Anh.

4. Chuẩn Tin học

- Điều kiện trình độ tin học để được học môn Tin học ứng dụng – tổ chức ở học kỳ III, IV (chuẩn tin học đầu vào) là sinh viên phải được chứng nhận đạt trình độ tin học tối thiểu tương ứng trình độ của chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương.

- Điều kiện trình độ tin học để xét tốt nghiệp (chuẩn tin học đầu ra) là sinh viên phải được chứng nhận đạt trình độ tin học tương ứng trình độ của chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao hoặc tương đương.

Việc thực hiện nộp chứng chỉ tin học các trình độ nêu trên được Nhà Trường thông báo chi tiết, cụ thể cho sinh viên các khoa đào tạo

5. Chuẩn tiếng Anh

- Chương trình tiếng Anh tăng cường được thực hiện theo quy định về tổ chức giảng dạy tiếng Anh tăng cường dành cho sinh viên hệ đại học chính quy chương trình chất lượng cao tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.

- Điều kiện trình độ tiếng Anh (chuẩn tiếng Anh đầu vào) để được học môn Tiếng Anh chuyên ngành 1 – tổ chức ở học kỳ IV) là sinh viên phải được chứng nhận đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu tương ứng cấp độ 3/6 theo quy định của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tức tương đương trình độ IELTS 4.5 (trường hợp sử dụng các chứng chỉ tiếng Anh khác: thực hiện quy đổi trình độ tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT).

- Điều kiện trình độ tiếng Anh (chuẩn tiếng Anh đầu ra) để được xét tốt nghiệp là sinh viên phải được chứng nhận đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu tương ứng cấp độ 4/6 theo quy định của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tức tương đương trình độ IELTS 5.5 (trường hợp sử dụng các chứng chỉ tiếng Anh khác: thực hiện quy đổi trình độ tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT).

Việc thực hiện nộp chứng chỉ ngoại ngữ các trình độ nêu trên được nhà trường thông báo chi tiết, cụ thể cho sinh viên các khoá đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG 



TS. Bùi Hữu Toàn